TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/11/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Nguyễn Hữu Hiển.**
2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh**.
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh –** Thư ký Tòa án.
-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*
Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Hà Thị N,** sinh năm 1999

HKTT: Thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Bùi Quang T**, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa chị N có mặt; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2019; tại bản tự khai ngày 27/9/2019 và tại phiên tòa chị Hà Thị N nguyên đơn trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Bùi Quang T ngày 07/7/2017 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ăn chơi, cờ bạc, nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Bùi Quang T.

** Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Hà Khánh L, sinh

ngày 08/5/2018, ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Bùi Quang T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2019 đối với bà Quách Thị N, sinh năm 1973 (là mẹ đẻ anh Bùi Quang T); trú tại: Thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trình bày như sau: Anh T, chị N tự nguyện kết hôn ngày 07/7/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết anh T, chị N sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có chơi bời, cờ bạc, nghiện ma túy do bạn bè rủ rê, hiện anh T cũng đang cố gắng thay đổi bản thân mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án khuyên giải cho chị N để trở về đoàn tụ, trường hợp chị N cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Hà Khánh L, sinh ngày 08/5/2018, chị N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con.

Về các văn bản tố tụng: Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng do đi làm bận mải nên anh không đến Tòa án làm việc được, bà cam kết nhận và giao ngay các văn bản của Tòa án cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn tuy đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị N xin ly hôn nhưng anh T vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Bùi Quang T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Hà Khánh L, sinh ngày 08/5/2018, hiện con đang ở với chị N và con dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa thứ nhất anh T vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa thứ hai anh T vẫn tiếp tục vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị N và anh Bùi Quang T kết hôn ngày 07/7/2017 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có chơi bời, cờ bạc, nghiện ma túy do bạn bè rủ rê. Nay chị N xin ly hôn, qua gia đình, anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến trực tiếp Tòa án để tham gia tố tụng và thông qua gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 09/10/2019 chính quyền địa phương đề nghị Tòa án khuyên giải cho các đương sự về đoàn tụ gia đình, trường hợp chị N vẫn cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. HĐXX thấy rằng chị N, anh T đã xảy ra mâu thuẫn, qua gia đình anh T đã hứa thay đổi nhưng không có kết quả và cũng không đưa ra giải pháp để hàn gắn gia đình, cũng không đến Tòa tham gia các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành mục đích để vợ chồng thông cảm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N, anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh T có 01 con chung là Bùi Hà Khánh L, sinh ngày 08/5/2018, hiện con đang ở với chị N và con dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Quyền kháng cáo:* Chị N, anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Bùi Quang T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi con chung là Bùi Hà Khánh L, sinh ngày 08/5/2018 và chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Hà Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng, chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008201 ngày 27/9/2019 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Quang T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Hoàng Văn Thành